

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

Câu 1. Hàng hoá là gì? Phân tích hai thuộc tính của hàng hoá .

a. Khái niệm hàng hóa

Hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn những nhu cầu định nào đó của con người và được trao đổi mua bán trên thị trường.

b. Hai thuộc tính của hàng hoá

Giá trị sử dụng của hàng hóa

- Giá trị sử dụng của hàng hóa là công dụng của vật phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người
- Giá trị sử dụng của hàng hóa có các đặc điểm:

Là thuộc tính tự nhiên của hàng hóa , nó là nội dung vật chất của của cải.

GTSD là phạm trù vĩnh viễn

Công dụng của hàng hóa được phát hiện dần dần trong quá trình phát triển của khoa học và công nghệ

Giá trị sử dụng của hàng hóa không phải cho bản thân người sản xuất hàng hóa mà là cho người khác, cho XH thông qua trao đổi mua bán. Trong kinh tế hàng hóa, GTSD là vật mang giá trị trao đổi.

Giá trị của hàng hóa: muốn hiểu giá trị hàng hóa phải đi từ giá trị trao đổi.

- **GTTD** là quan hệ tỉ lệ về số lượng trao đổi giữa các GTSD khác nhau. Sở dĩ hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau trao đổi được với nhau theo một tỷ lệ nhất định vì chúng đều là sản phẩm của lao động, đều có cơ sở chung là hao phí sức lao động của con người.

-**GDHH:** là lao động XH của người sxhh kết tinh trong HH.

-**Đặc điểm:** chất của giá trị là LD, lượng của giá trị là số lượng LD của người SX kết tinh trong HH.

Giá trị là nội dung, là cơ sở của giá trị trao đổi; còn giá trị trao đổi là hình thái biểu hiện của giá trị ra bên ngoài.

Giá trị hàng hóa là một quan hệ xã hội, nó biểu thị mối quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

Giá trị hàng hóa là một phạm trù lịch sử, gắn liền với nền sản xuất hàng hóa.

Câu 2: Tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hóa.

a. Lao động cụ thể: là lao động có ích dưới một hình thức cụ thể của một nghề nghiệp chuyên môn nhất định. Mỗi lao động cụ thể có mục đích riêng, phương pháp, công cụ lao động, đối tượng lao động và kết quả lao động riêng.

Ví dụ: lao động của người thợ mộc và của người thợ may có mục đích khác nhau, đối tượng, phương pháp, công cụ và kết quả sản xuất khác nhau.

- Lao động cụ thể là cơ sở của phân công lao động xã hội.
- KHKT càng phát triển các hình thức lao động cụ thể càng đa dạng, phong phú.
- Mỗi lao động cụ thể tạo ra một giá trị sử dụng nhất định.
- Lao động cụ thể là phạm trù vĩnh viễn. (xã hội càng phát triển các hình thức của lao động cụ thể có thể thay đổi).
- Lao động cụ thể không phải là nguồn gốc duy nhất của giá trị sử dụng do nó sản xuất ra. Giá trị sử dụng của các vật thể hàng hóa bao giờ cũng do hai nhân tố hợp thành: vật chất và lao động. Lao động cụ thể của con người chỉ thay đổi hình thức tồn tại của các vật chất, làm nó thích hợp với nhu cầu của con người mà thôi.

b. Lao động trừu tượng: là lao động của người sản xuất hàng hóa, nếu coi đó đó là sự hao phí óc, sức thần kinh và sức cơ bắp nói chung con người, chứ không kể đến hình thức cụ thể của nó như thế nào, thì gọi đó là lao động trừu tượng.

- Lao động trừu tượng tạo ra giá trị hàng hóa.
- Lao động trừu tượng là phạm trù lịch sử, chỉ có sản xuất sản phẩm để bán thì lao động sản xuất hàng hóa đó mới có tính chất là lao động trừu tượng.
- Lao động trừu tượng là lao động đồng nhất và giống nhau về chất.

Việc phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động của sản xuất hàng hóa có ý nghĩa rất lớn về mặt lý luận; nó đem đến cho lý luận lao động sản xuất một cơ sở khoa học thực sự. Giúp ta giải thích được hiện tượng

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

phức tạp diễn ra trong thực tế, như sự vận động trái ngược: khối lượng của cải vật chất ngày càng tăng lên, đi liền với khối lượng giá trị của nó giảm xuống.

c. Mâu thuẫn cơ bản của nền sản xuất hàng hóa

- **Trong nền sản xuất hàng hóa:**
- Lao động cụ thể biểu hiện thành lao động tư nhân.
- Lao động trừu tượng biểu hiện thành lao động xã hội.
- Mâu thuẫn cơ bản của nền sản xuất hàng hóa là: *mâu thuẫn giữa lao động tư nhân và lao động xã hội.*
- **Biểu hiện:**
- Sản phẩm do người sản xuất nhỏ tạo ra có thể không phù hợp với nhu cầu xã hội
- Hao phí lao động cá biệt của người sản xuất có thể cao hơn hay thấp hơn hao phí lao động mà xã hội chấp nhận.
- Mâu thuẫn giữa lao động tư nhân và lao động xã hội chứa đựng khả năng sản xuất thừa.

Câu 3: Trình bày bản chất của tiền tệ.

- Tiền tệ là hàng hoá đặc biệt được tách ra từ trong thế giới hàng hoá làm vật ngang giá chung thống nhất cho các hàng hoá khác, nó thể hiện lao động xã hội và biểu hiện quan hệ giữa những người sản xuất hàng hoá.
- Tiền là loại hàng hoá đặc biệt vì nó được dùng để đo giá trị các loại hàng hoá khác.
- Tiền được dùng làm môi giới cho quá trình trao đổi hàng hoá.

Câu 4: Nội dung và tác động của quy luật giá trị

a) Nội dung của quy luật giá trị

- Quy luật giá trị là quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất hàng hóa, quy định bản chất của sản xuất hàng hóa, là cơ sở của tất cả các quy luật khác của sản xuất hàng hóa. Nội dung của quy luật giá trị là việc sản xuất và trao đổi hàng hóa dựa trên cơ sở giá trị của nó, tức là dựa trên hao phí lao động xã hội cần thiết. Cụ thể là:

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

+ Trong sản xuất, qui luật giá trị đòi hỏi người sản xuất phải điều chỉnh làm cho hao phí lao động cá biệt của mình phù hợp với mức chi phí mà XH chấp nhận được (giá trị cá biệt HH=< giá trị XH HH)

+Trong lưu thông trao đổi phải theo nguyên tắc ngang giá.

- Sự vận động của quy luật giá trị thông qua sự vận động của giá cả HH. Giá cả HH là biểu hiện bằng tiền của GTHH. Trên thị trường GCHH phụ thuộc vào các nhân tố: GTHH, cạnh tranh, cung cầu, sức mua của đồng tiền...GCHH biến động lên xuống xoay quanh trục giá trị của nó. Sự vận động giá cả thị trường của HH xoay quanh trục giá trị của nó là cơ chế hoạt động của quy luật giá trị

b) Tác động của quy luật GT

v *Điều tiết sản xuất và lưu thông HH*

+Điều tiết sản xuất: là điều hòa, phân bổ các yếu tố sản xuất giữa các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế. dựa vào sự biến động giá cả thị trường, người SX biết được HH nào đang thiếu, bán chạy có giá cao và nhiều lãi, HH nào ế thừa giá thấp. Để từ đó, họ sẽ mở rộng SX những mặt hàng nào đang thiếu bán chạy, nhiều lãi và ngược lại thu hẹp SX thậm chí đóng cửa ko SX những mặt hàng ế thừa.Như vậy, các yếu tố SX như tư liệu SX, sức LD và tiền vốn được chuyển dịch từ ngành này sang ngành khác, làm quy mô SX ngành này mở rộng ngành kia thu hẹp.

+Điều tiết lưu thông: dưới tác động của quy luật giá trị, HH được di chuyển từ nơi giá thấp đến nơi giá cao thông qua sự biến động giá cả thị trường

v *Kích thích cải tiến kĩ thuật, hợp lí hóa SX, tăng năng suất LD... thúc đẩy lực lượng SX phát triển.*

Trong nền KTHH, các HH được SX ra trong các điều kiện khác nhau nên hao phí LD cá biệt khác nhau, ai có hao phí LD cá biệt nhỏ hơn hao phí LDXH của HH thì sẽ có lợi, có lãi nhiều. Ngược lại, thì sẽ bất lợi, lỗ vốn. Để giành lợi thế trong cạnh tranh và tránh nguy cơ vỡ nợ, phá sản họ phải hạ thấp hao phí LD cá biệt của mình hoặc bằng hao phí LDXH

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

cần thiết. Muốn vậy họ phải tìm cách cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa SX để tăng năng suất LD.

v Thực hiện sự lựa chọn tự nhiên và phân hóa người SXHH thành kẻ giàu người nghèo.

Trong nền KTHH, người SX nào có giá trị cá biệt của HH thấp hơn giá trị của HH thì người đó sẽ thu nhiều lãi, nhanh chóng trở nên giàu có, ngược lại thì ở thế bất lợi, trở nên nghèo khó, phá sản .

Câu 5: Công thức chung của tư bản và mâu thuẫn của công thức chung của tư bản.

v **Công thức chung của tư bản: $T-H-T'$**

v **Mâu thuẫn của công thức chung của tư bản: $T-H-T'$
 $T'-T+DT$**

Vậy DT ở đâu ra?

Xét trong lưu thông có thể xảy ra hai trường hợp:

- *Trao đổi ngang giá*: hai bên trao đổi không được lợi về giá trị, chỉ được lợi về giá trị sử dụng.
- *Trao đổi không ngang giá*: có thể xảy ra ba trường hợp:
 - Bán cao hơn giá trị: được lợi khi bán thì khi mua bị thiệt vì người bán cũng đồng thời là người mua.
 - Mua thấp hơn giá trị: khi mua được lợi thì khi bán bị thiệt.
 - Mua rẻ, bán đắt: tổng giá trị toàn xã hội không tăng lên bởi vì số giá trị mà người này mua được là số giá trị mà người khác bị mất.

Vậy lưu thông và bản thân tiền tệ trong lưu thông không tạo ra giá trị và giải trị thặng dư.

Xét ngoài lưu thông: đối với cả hàng hóa (tư liệu sử hữu và tư liệu sản xuất); tiền.

Tất cả đều không có dấu vết của DT (không lý giải được sự chuyển hóa của tiền thành tư bản).

-Vấn đề đặt ra:

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

- Phải xuất phát từ những quy luật nội tại của sản xuất và trao đổi hàng hóa (trao đổi ngang giá), loại trừ tất cả các hành vi có tính chất bạo lực, phải bằng các biện pháp kinh tế để lý giải sự chuyển hóa của tiền thành tư bản).
- Sự chuyển hóa của người có tiền thành nhà tư bản phải tiến hành trong phạm vi lưu thông và đồng thời lại không phải trong lưu thông.
“Vậy là tư bản không thể xuất hiện từ lưu thông và cũng không thể xuất hiện ở bên ngoài lưu thông. Nó phải xuất hiện trong lưu thông và đồng thời không phải trong lưu thông”. Đó là mâu thuẫn của công thức chung của tư bản.

Câu 6: Hàng hóa sức lao động.

1. Sức lao động và điều kiện để biến sức lao động thành hàng hóa

Ø **Khái niệm:** Sức lao động là toàn bộ những năng lực (thể lực và trí lực) tồn tại trong một con người và được người đó sử dụng vào sản xuất.

Ø **Sức lao động trở thành hàng hóa khi có hai điều kiện:**

- Người lao động là người tự do, có khả năng chi phối sức lao động.
- Người lao động không có TLSX cần thiết và tài sản khác để kết hợp với SLĐ của mình.
- Giá trị các tư liệu sinh hoạt vật chất và tinh thần cần thiết để nuôi sống công nhân.
- Chi phí đào tạo công nhân.

2. Hai thuộc tính của hàng hoá sức lao động

a) Giá trị của hàng hoá sức lao động

Ø Là do số lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất và tái sản xuất ra hàng hoá sức lao động quyết định.

Ø **Giá trị của hàng hóa SLĐ = giá trị của toàn bộ các tư liệu sinh hoạt cần thiết để SX và tái SXSLĐ.**

Ø **Lượng giá trị các tư liệu sinh hoạt cần thiết bao gồm:**

+ **Giá trị các tư liệu sinh hoạt vật chất và tinh thần cần thiết cho gia đình công nhân.**

- **Giá trị hàng hóa sức lao động bao hàm cả yếu tố lịch sử, tinh thần.**

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

- Giá trị sức lao động biểu hiện bằng tiền gọi là giá cả sức lao động hay còn gọi là tiền lương.

- Giá trị của hàng hóa SLĐ chịu sự tác động của hai xu hướng đối lập nhau:

* *Giá trị hàng hóa SLĐ có xu hướng tăng:*

+ SX càng phát triển nhu cầu về lao động phức tạp tăng.

+ Nhu cầu TLSH tăng theo đà tiến bộ của LLSX.

* *Xu hướng giảm giá trị hàng hóa SLĐ:* do NSLĐ tăng nên giá cả các tư liệu sinh hoạt, dịch vụ giảm.

b) Giá trị sử dụng của hàng hoá sức lao động:

- Giống hàng hoá thông thường, giá trị sử dụng hàng hoá sức lao động thoả mãn nhu cầu của người mua.

- Công dụng của nó biểu hiện qua tiêu dùng hàng hoá sức lao động, chính là tiến hành quá trình lao động.

- Quá trình lao động đồng thời là quá trình sản xuất ra hàng hoá, sức lao động tạo ra một giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó.

- Hàng hoá sức lao động có đặc điểm riêng biệt, là nguồn gốc trực tiếp tạo ra giá trị thặng dư, là chìa khoá để giải quyết mâu thuẫn công thức chung của tư bản.

- Hàng hóa SLĐ là điều kiện của sự bóc lột chứ không phải là cái quyết định có hay không có bóc lột.

Câu 7: Sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng với quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư (Quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư).

1. 1. Quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa là sự thống nhất giữa quá trình sản xuất ra giá trị sử dụng và quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư

C.Mac viết: “Với tư cách là sự thống nhất giữa quá trình lao động và quá trình tạo ra giá trị thì quá trình sản xuất là một quá trình sản xuất hàng hóa; với tư cách là sự thống nhất giữa quá trình lao động và quá trình làm tăng giá trị thì quá trình sản xuất là một quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa, là hình thái tư bản chủ nghĩa của nền sản xuất hàng hóa”.

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN 2

1. 2. Giá trị thặng dư được sản xuất trong nền kinh tế hàng hóa tư bản chủ nghĩa.

Để sản xuất, nhà tư bản phải mua các yếu tố sản xuất gồm tư liệu sản xuất và sức lao động. Giả định việc mua này đúng giá trị. Ví dụ, để sản xuất 20 kg sợi trong 12 giờ chia làm 2 lần.

Trong 6 giờ đầu, để sản xuất 10 kg sợi, nhà tư bản ứng trước đề:

- Mua 10kg bông hết 10 USD.
- Để chuyển 10 kg bông thành sợi, chi phí về hao mòn máy móc hết 2 USD.
- Mua sức lao động trong cả ngày (12 giờ) là 3 USD.

Giả sử trong 6 giờ đầu, bằng lao động cụ thể, người công nhân chuyển hết 10kg bông thành sợi và bằng lao động trừu tượng tạo thêm lượng giá trị mới là 3 USD. Kết quả sản xuất tạo ra một lượng sợi với giá trị là 15 USD. Như vậy nếu quá trình lao động chỉ kéo dài đến cái điểm bù đắp lại giá trị – sức lao động (6 giờ), tức là bằng thời gian lao động tất yếu, thì chưa sản xuất ra giá trị thặng dư, do đó tiền chưa biến thành tư bản. Song vì nhà tư bản thuê công nhân cả ngày (12 giờ). Việc sử dụng sức lao động trong ngày đó là thuộc quyền của nhà tư bản.

-Trong 6 giờ lao động sau, để sản xuất 10kg sợi nhà tư bản chỉ phải ứng tư bản đề:

- + Mua 10 kg bông hết 10 USD.
- + Chi hao mòn máy móc 2 USD.
- + Tiền công không phải trả nữa.

Tương tự như 6 giờ đầu, nhà tư bản lại có số lượng sợi giá trị 15 USD.

Tổng cộng trong một ngày lao động 12 giờ, nhà tư bản phải chi phí:

- + Tiền mua bông 20 kg hết: 20 USD.

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

+ Tiền hao mòn máy móc 4 USD.

+ Tiền mua sức lao động trong ngày (12 giờ): 3 USD.

Tổng cộng bằng 27 USD, còn giá trị của sản phẩm mới (20kg sợi) do công nhân sản xuất ra trong 12 giờ lao động là 30 USD.. Như vậy, 27 USD ứng trước đã chuyển hóa thành 30 USD, nhà tư bản thu được số tiền dôi ra là 3 USD. Phần giá trị dôi ra đó chính là giá trị thặng dư. Do đó, giá trị thặng dư là phần giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do công nhân làm thuê tạo ra và bị nhà tư bản chiếm không.

Nguồn gốc duy nhất của giá trị thặng dư là lao động của công nhân không được trả công.

Câu 8: Bản chất của tư bản. Sự phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến**1. Bản chất tư bản.**

- Tư bản là giá trị đem lại giá trị giá trị thặng dư bằng cách bóc lột công nhân làm thuê.

- Tư bản thể hiện QHSX giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

2. Tư bản bất biến và tư bản khả biến**a) Khái niệm**

- **Tư bản bất biến:** Bộ phận tư bản tồn tại dưới hình thái tư liệu sản xuất (nhà xưởng, máy móc, thiết bị, nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu phụ...) mà giá trị được bảo tồn và chuyển vào sản phẩm, tức là giá trị không thay đổi về lượng trong quá trình sản xuất ký hiệu là C

+ Gồm: * máy móc, nhà xưởng

* **nguyên, nhiên, vật liệu**

+ Nó có đặc điểm là:

* **giá trị của chúng được bảo tồn và chuyển dịch nguyên vẹn vào giá trị sản phẩm**

* **giá trị TLSX được bảo tồn dưới hình thức GTSD MỚI.**

+ Tư bản bất biến ký hiệu là C.

- **Tư bản khả biến:**

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN 2

+ Bộ phận tư bản ứng trước dùng để mua hàng hoá sức lao động không tái hiện ra, nhưng thông qua lao động trừu tượng, người công nhân làm thuê đã sáng tạo ra một giá trị mới, lớn hơn giá trị của sức lao động, tức là có sự biến đổi về số lượng.

+ Tư bản khả biến, ký hiệu là V.

Tư bản khả biến tồn tại dưới hình thức tiền lương.

-Tư bản cố định

+là bộ phận của tư bản sản đó xuất biểu hiện dưới hình thái giá trị của những máy móc thiết bị nhà xưởng..., tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất, nhưng chỉ chuyển từng phần giá trị của nó vào sản phẩm mới trong quá trình sản xuất, nhưng chỉ chuyển từng phần giá trị của nó vào sản phẩm mới trong quá trình sản xuất. loại tư bản này có tốc độ chu chuyển chậm về mặt giá trị. thời gian tư bản cố định chuyển hết giá trị của nó vào sản phẩm mới thường dài hơn một vòng tuần hoàn.

-Tư bản lưu động

+là bộ phận tư bản sản xuất được hoàn lại toàn bộ cho nhà tư bản sau khi hàng hóa sản xuất ra được bán xong. Trong đó, bộ phận tư bản biểu hiện dưới hình thái nguyên liệu, nhiên liệu, vật phụ liệu.... giá trị của nó được chuyển toàn bộ vào sản phẩm trong quá trình sản xuất, còn bộ phận tư bản biểu hiện dưới hình thái tiền công, trả bị người công nhân tiêu dùng và được tái tạo trong quá trình sản xuất hàng hóa. Đặc điểm của tư bản này là chu chuyển nhanh về mặt giá trị, nó chuyển hết giá trị về mặt sản phẩm mới ngay trong một chu kỳ sản xuất

Như vậy $K = K_{CD} + K_{LD}$

Câu 9: Sản xuất ra giá trị thặng dư - quy luật kinh tế cơ bản của CNTB

Ø . Nội dung quy luật

Sản xuất ra ngày càng nhiều giá trị thặng dư cho nhà tư bản bằng cách tăng cường bóc lột lao động làm thuê trên cơ sở tăng năng suất lao động và cường độ lao động.

Ø Vì sao gọi là quy luật kinh tế cơ bản:

- Phản ánh mục đích của nền sản xuất và phương tiện đạt mục đích.

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN 2

- Sản xuất giá trị thặng dư phản ánh quan hệ giữa tư bản và lao động, đây là quan hệ cơ bản trong XH tư bản.
- Phản ánh quan hệ bản chất trong CNTB.
- Chi phối sự hoạt động của các quy luật kinh tế khác.
- Quyết định sự phát sinh, phát triển của CNTB, và là quy luật vận động của phương thức SX

Câu 10: Chi phí sản xuất TBCN, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận.

a. Chi phí sản xuất TBCN.

- Đối với xã hội, để tiến hành sản xuất hàng hoá, xã hội cần chi phí một lượng hao phí lao động nhất định bao gồm:

Lao động SX hàng hóa = LĐ quá khứ + LĐ sống

Tạo thành giá trị hàng hóa $H = C + V + m$

- Đối với nhà tư bản, để tiến hành sản xuất hàng hoá trên họ chỉ cần ứng một lượng tư bản để mua tư liệu sản xuất và sức lao động, gọi là chi phí sản xuất TBCN, ký hiệu K:

$$K = C + V$$

- Giữa H và K có sự khác nhau:

+ Về chất:

- H là lao động xã hội cần thiết.
- K là chi phí về tư bản.

+ Về lượng: $H > K$

- Nhà tư bản quan tâm đến K, tiết kiệm chi phí này bằng mọi giá vì K là giới hạn thực sự của lỗ lãi kinh doanh của nhà TB.

b. Lợi nhuận:

Do có sự chênh lệch về lượng giữa giá trị hàng hoá và chi phí sản xuất TBCN, nên khi bán hàng hóa đúng giá trị trừ đi phần tư bản ứng ra, nhà tư bản còn thu về tiền lời (ngang bằng với m) và được gọi là lợi nhuận, ký hiệu P:

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN 2

Vậy: Lợi nhuận là hình thái chuyển hóa của giá trị thặng dư, được quan niệm như con đẻ của toàn bộ tư bản ứng trước.

“Giá trị thặng dư, được quan niệm là con đẻ của toàn bộ tư bản ứng trước mang hình thái chuyển hóa là lợi nhuận” - C. Mác (Tư bản, tập 3, tr46).

$$H = C + V + m = K + m = K + P$$

Nguyên nhân của sự chuyển hoá m thành P:

+ Sự hình thành $K = (C + V)$ đã xoá nhoà vai trò khác biệt giữa C và V.

+ Do chi phí SX TBCN luôn nhỏ hơn chi phí SX thực tế nên khi bán hàng hoá chỉ cần giá cả lớn hơn K một chút là đã thu lời.

- Giữa P và m có gì khác nhau:

+ m và P giống nhau ở chỗ: đều có chung một nguồn gốc là kết quả của lao động của công nhân.

+ Khác nhau:

* về mặt chất:

* m phản ánh nguồn gốc sinh ra từ V còn p thì được xem như toàn bộ tư bản ứng trước đẻ ra.

* P che giấu quan hệ bóc lột TBCN, che giấu nguồn gốc thực sự của nó.

* Giữa m và P có sự không nhất trí về lượng:

“ cung = cầu ® giá cả = giá trị ® $P = m$

“ cung > cầu ® giá cả < giá trị ® $P < m$

“ cung < cầu ® giá cả > giá trị ® $P > m$

“ trong một thời gian nhất định, xét trên bình diện toàn bộ nền kinh tế: tổng giá cả = tổng giá trị, do đó tổng P = tổng m.

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

c. Tỷ suất lợi nhuận:

Tỷ suất lợi nhuận là lệ phần trăm giữa giá trị thặng dư và tổng tư bản ứng ra để sản xuất - kinh doanh.

$$P' = \frac{m'}{P} 100\% = \frac{m'}{m + v} 100\%$$

Tỷ suất lợi nhuận là hình thái chuyển hoá của tỷ suất giá trị thặng dư.

Sự khác nhau giữa tỷ suất lợi nhuận và tỷ suất giá trị thặng dư:

- Về chất:

- m' biểu hiện mức độ bóc lột của nhà tư bản đối với LĐ;
- P' nói lên mức doanh lợi của đầu tư tư bản.

- Về lượng: $P' < m'$.

Câu 11: Tỷ suất lợi nhuận bình quân và giá cả sản xuất

Cạnh tranh là sự ganh đua giữa những người sản xuất và lưu thông hàng hoá bằng những biện pháp và thủ đoạn khác nhau nhằm giành giật cho mình những điều kiện sản xuất kinh doanh có lợi nhất

- Động lực của cạnh tranh là lợi nhuận tốt đa.

- Trong điều kiện của sản xuất tư bản tự do cạnh tranh, Mác phân chia thành hai loại cạnh tranh:

+ Cạnh tranh nội bộ ngành;

+ Cạnh tranh giữa các ngành.

a. Cạnh tranh nội bộ ngành và sự hình thành giá cả thị trường. (làm rõ cạnh tranh cùng ngành dẫn tới giá cả ngành đó có xu hướng giảm xuống)

- Đó là sự cạnh tranh giữa các nhà tư bản trong cùng một ngành, sản xuất cùng một loại hàng hoá nhằm giành điều kiện sản xuất và tiêu thụ hàng hoá có lợi nhất để thu nhiều lợi nhuận siêu ngạch.

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

- Mục tiêu cạnh tranh: chiếm tỷ phần thị trường lớn, muốn vậy phải:

+ Nâng cao chất lượng;

+ Giảm chi phí;

+ Chất lượng phục vụ tốt;

+ Mẫu mã, bao gói đẹp...

- Biện pháp cạnh tranh:

Bằng cách cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, tăng cấu tạo hữu cơ C/V. Để hạ thấp hao phí lao động cá biệt nhỏ hơn hao phí lao động xã hội.

- Kết quả cạnh tranh: là hình thành giá trị thị trường.

Giá trị thị trường một mặt, là giá trị trung bình của những hàng hoá được sản xuất ra trong một khu vực sản xuất nào đó, mặt khác phải coi giá trị thị trường là giá trị cá biệt của những hàng hoá được sản xuất ra trong những điều kiện trung bình của khu vực đó và chiếm khối lượng lớn trong số những sản phẩm của khu vực này.

b.. Cạnh tranh giữa các ngành (làm rõ dẫn tới hình thành tỷ suất lợi nhuận bình quân)

- Đó là sự cạnh tranh của các nhà tư bản ở các ngành sản xuất khác nhau nhằm giành giật nơi đầu tư có lợi nhất.

- **Nguyên nhân cạnh tranh:**

Trong các ngành sản xuất khác nhau, do đặc điểm của từng ngành, C/V của các ngành khác nhau nên P' của từng ngành là khác nhau.

Vậy:

- Tỷ suất lợi nhuận bình quân: là con số trung bình của tất cả tỷ suất lợi nhuận ở các ngành khác nhau:

=

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN 2

trong đó: P'_1 - tỷ suất lợi nhuận của từng ngành; n - số ngành.

Lợi nhuận bình quân: là lượng lợi nhuận mà một tư bản thu được theo tỷ suất lợi nhuận bình quân - không kể cấu thành hữu cơ của nó như thế nào.

$$= P' \cdot K$$

- Giá cả SX:

Khi hình thành lợi nhuận bình quân, giá trị hàng hóa chuyển hóa thành giá cả SX:

$GCSX = \text{chi phí SX} + \text{lợi nhuận bình quân}.$

$GCSX = K + P$ (bình quân).

Giá cả SX là cơ sở của giá cả thị trường, giá cả thị trường vận động lên xuống xung quanh giá cả SX.

12) Công ty cổ phần

Công ty cổ phần: Công ty cổ phần là một loại hình xí nghiệp lớn mà vốn của nó được hình thành từ sự đóng góp của nhiều người thông qua việc phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu là một thứ chứng khoán có giá do công ty cổ phần phát hành ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của người mua cổ phiếu (được gọi là cổ đông), đồng thời còn bảo đảm cho cổ đông có quyền được lĩnh một phần thu nhập của công ty (cổ tức) căn cứ vào giá trị cổ phần và tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

Cổ phiếu được mua bán trên thị trường chứng khoán theo thị giá cổ phiếu. Thị giá cổ phiếu được xác định tương đương với một số tiền mà nếu đem gửi vào ngân hàng thì căn cứ theo tỷ suất lợi tức hiện hành cũng sẽ đem lại một khoản lợi tức tương đương với mức cổ tức.

Vì vậy, thị giá cổ phiếu phụ thuộc vào 2 nhân tố:

- Mức cổ tức mà cổ phiếu mang lại. Mức cổ tức càng cao thì thị giá cổ phiếu càng lớn và ngược lại.

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

- Tỷ suất lợi tức tiền gửi ngân hàng. Tỷ suất lợi tức tiền gửi ngân hàng càng cao thì thị giá cổ phiếu càng thấp và ngược lại.

Câu 13. Giai cấp CN, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là gì? Phân tích những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Trả lời

1. GCCN, nội dung sứ mệnh GCCN

a. Định nghĩa giai cấp công nhân

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất có tính chất xã hội hoá ngày càng cao; là lực lượng sản xuất cơ bản, tiên tiến, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội; là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. ở các nước tư bản, giai cấp công nhân là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị bóc lột giá trị thặng dư; ở các nước xã hội chủ nghĩa, họ là người đã cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động vì lợi ích chung của toàn xã hội trong đó có lợi ích chính đáng của bản thân họ”[1].

b. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ mọi chế độ áp bức bóc lột và xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa

2. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

a. Địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa

- Trong nền sản xuất đại công nghiệp, giai cấp công nhân vừa là chủ thể trực tiếp, vừa là sản phẩm căn bản nhất của nền sản xuất đó.

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

- Trong chế độ tư bản chủ nghĩa giai cấp công nhân có lợi ích cơ bản đối lập trực tiếp với lợi ích của giai cấp công nhân.
- Điều kiện làm việc, điều kiện sống của giai cấp công nhân đã tạo điều kiện cho họ có thể đoàn kết chặt chẽ với nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản.
- Giai cấp công nhân có những lợi ích cơ bản thống nhất với lợi ích của đại đa số quần chúng nhân dân lao động, do vậy tạo ra khả năng cho giai cấp này có thể đoàn kết với các giai cấp, tầng lớp lao động khác trong cuộc đấu tranh chống lại giai cấp tư sản để giải phóng mình và giải phóng toàn xã hội.

b. Những đặc điểm chính trị - xã hội của giai cấp nhân

- Thứ nhất, giai cấp công nhân là giai cấp tiên phong cách mạng và có tinh thần cách mạng triệt để nhất.
- + Giai cấp công nhân là giai cấp tiên phong cách mạng vì họ đại biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, gắn liền với những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại
- + Điều kiện sống, điều kiện lao động trong chế độ tư bản chủ nghĩa chỉ cho họ thấy: họ chỉ có thể được giải phóng bằng cách giải phóng toàn xã hội khỏi chế độ tư bản chủ nghĩa.
- + Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng.
- + Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân không gắn với tư hữu, do vậy họ cũng kiên định trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa.
- Thứ hai, giai cấp công nhân là giai cấp có ý thức tổ chức kỷ luật cao.
- + Giai cấp công nhân lao động trong nền đại công nghiệp ngày càng hiện đại buộc họ phải tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật lao động; cùng với cuộc sống đô thị tập trung đã tạo nên tính tổ chức, kỷ luật chặt chẽ cho giai cấp công nhân.

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

+ Tính tổ chức và kỷ luật cao của giai cấp này được tăng cường khi nó phát triển thành một lực lượng chính trị lớn mạnh, có tổ chức; được giác ngộ bởi một lý luận khoa học, cách mạng và tổ chức ra được chính đảng của nó, Đảng Cộng sản.

- *Thứ ba, giai cấp công nhân có bản chất quốc tế.*

Giai cấp công nhân ở tất cả các nước đều có chung một mục đích là giải phóng mình đồng thời giải phóng xã hội khỏi áp bức bóc lột và họ đều có chung một kẻ thù là giai cấp tư sản. Và cũng do yêu cầu của cuộc đấu tranh giai cấp, để chống lại chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, vì vậy mà giai cấp công nhân càng phải nêu cao tinh thần quốc tế của giai cấp mình

Câu 14: Cách mạng XHCN là gì? Trình bày nguyên nhân mục tiêu động lực và nội dung của cách mạng XHCN.

a.- Khái niệm: Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc cách mạng nhằm thay thế chế độ tư bản chủ nghĩa lỗi thời bằng chế độ xã hội chủ nghĩa, trong cuộc cách mạng đó, giai cấp công nhân là người lãnh đạo và cùng với quần chúng nhân dân lao động khác xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

b. Nguyên nhân, mục tiêu, động lực và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

***Nguyên nhân:**

Nguyên nhân của cách mạng xã hội chủ nghĩa là do mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển của lực lượng sản xuất với sự kìm hãm của quan hệ sản xuất đã trở nên lỗi thời. Quy luật chung của sự phát triển xã hội chỉ ra rằng: lực lượng sản xuất không ngừng phát triển dẫn tới quan hệ sản xuất đã lỗi thời kìm hãm sự phát triển, điều đó đòi hỏi phải thay thế quan hệ sản xuất mới cho phù hợp với lực lượng sản xuất để mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển. Cuộc CM XHCN nổ ra, nguyên nhân sâu xa là do mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất có tính chất xã hội hoá cao với tính chất tư hữu tư nhân về tư liệu sản xuất dưới chủ nghĩa tư bản, cho nên chừng nào quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa vẫn được duy trì thì nguyên nhân của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa vẫn còn tồn tại.

*** Mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa**

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

- Mục tiêu của giai cấp công nhân, của cách mạng xã hội chủ nghĩa là giải phóng con người, giải phóng xã hội.
- Mục tiêu giai đoạn đầu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là giai cấp công nhân và nhân dân lao động đập tan bộ máy nhà nước của giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền.
- Mục tiêu giai đoạn tiếp theo của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là xoá bỏ mọi chế độ người bóc lột người, tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác, đem lại đời sống ấm no cho toàn dân.

****Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa***

- *Giai cấp công nhân*: Với sự phát triển về số lượng, chất lượng, ngày càng giác ngộ về lợi ích giai cấp thông qua sự lãnh đạo của Đảng cộng sản... nên giai cấp công nhân là động lực cơ bản, chủ yếu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, là yếu tố hàng đầu đảm bảo cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- *Giai cấp nông dân*: Giai cấp nông dân có nhiều lợi ích cơ bản thống nhất với lợi ích của giai cấp công nhân nên trở thành động lực to lớn của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sự tham gia của giai cấp nông dân trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là điều kiện đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, là cơ sở xây dựng chính quyền nhà nước vững mạnh, là lực lượng quan trọng cùng giai cấp công nhân xây dựng nền kinh tế ngày càng phát triển.
- *Trí thức*: Có vị trí quan trọng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong đấu tranh giành chính quyền cũng như trong xây dựng chủ nghĩa xã hội - “không có trí thức không thể có chủ nghĩa xã hội”.

****Nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa***

-Trên lĩnh vực chính trị

Đưa quần chúng nhân dân từ địa vị nô lệ, bị áp bức bóc lột trở thành người làm chủ nhà nước, làm chủ xã hội; đấu tranh xoá bỏ những cái xấu của xã hội cũ, xây dựng xã hội mới về mọi mặt, nâng cao mức sống của nhân dân.

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

+ Để thực hiện mục tiêu này, trước hết giai cấp công nhân cùng nhân dân lao động phải dùng bạo lực cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đập tan bộ máy nhà nước của giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền.

+ Bước tiếp theo, phải nâng cao trình độ dân trí, ngày càng mở rộng dân chủ cho nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân lao động tham gia vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội, làm cho nhà nước là của dân, do dân, vì dân.

- Trên lĩnh vực kinh tế

+ Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thực chất là có tính chất kinh tế. Việc giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động chỉ là bước đầu, nhiệm vụ tiếp theo là phải phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống nhân dân.

+ Thay đổi vị trí, vai trò của người lao động đối với tư liệu sản xuất, gắn người lao động với tư liệu sản xuất, thay thế chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa bằng chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa.

+ Đưa tiến bộ khoa học vào sản xuất, nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống nhân dân lao động, phát huy tính tích cực, khả năng sáng tạo của người lao động... làm cho nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển.

+ Phân phối theo lao động, lấy năng suất lao động, hiệu quả công tác làm thước đo đánh giá sự đóng góp của mỗi người cho xã hội.

- Trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá

+ Giai cấp công nhân và nhân dân lao động sáng tạo ra những giá trị tinh thần của xã hội, vừa là người làm phong phú thêm những giá trị văn hoá tinh thần của xã hội, đồng thời cũng là người hưởng thụ những giá trị văn hoá tinh thần đó.

+ Cách mạng xã hội chủ nghĩa giải phóng những người lao động về mặt tinh thần, từng bước xây dựng thế giới quan và nhân sinh quan CSCN cho người lao động, hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa.

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

Câu 15. Trình bày tính tất yếu khách quan, đặc điểm, thực chất và nội dung của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội***a. Tính tất yếu của thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH vì các lý do sau:***

+ Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản khác nhau về chất: CNTB dựa trên chế độ tư hữu về TLSX và bóc lột lao động làm thuê; CNXH dựa trên chế độ công hữu về TLSX, xã hội không còn đối kháng giai cấp và không còn áp bức, bất công.

+ Chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên nền sản xuất đại công nghiệp có trình độ cao kế thừa từ CMCN và CM KH-CN của CNTB. Nhưng đó không phải là sự kế thừa nguyên mẫu mà cần có sự sắp xếp, tổ chức lại. Đối với các nước chưa qua PTSX TBCN phải thực hiện CNH, HĐH.

+ Các quan hệ xã hội của chủ nghĩa xã hội không tự phát sinh trong lòng chủ nghĩa tư bản, chúng là kết quả của quá trình xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa.

+ Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công việc mới mẻ, khó khăn và phức tạp, phải có thời gian để giai cấp công nhân từng bước làm quen với những việc đó.

b. Đặc điểm và thực chất của thời kỳ quá độ từ CNTB lên CNXH.

+ Thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là sự tồn tại những yếu tố của xã hội cũ bên cạnh những nhân tố mới của chủ nghĩa xã hội trong mối quan hệ vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế – xã hội.

* *Trên lĩnh vực kinh tế:* Thời kỳ quá độ là thời kỳ tất yếu tồn tại một nền kinh tế nhiều thành phần trong một hệ thống kinh tế quốc dân thống nhất.

* *Trên lĩnh vực chính trị:* Thời kỳ này bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, những người sản xuất nhỏ, tầng lớp tư sản. Các giai cấp này vừa hợp tác vừa đấu tranh với nhau.

* *Trên lĩnh vực tư tưởng:* Bên cạnh tư tưởng xã hội chủ nghĩa còn tồn tại tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, tâm lý tiểu nông. Trên lĩnh vực văn hoá

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

cũng tồn tại yếu tố văn hoá cũ và mới, chúng thường xuyên đấu tranh với nhau.

+ Thực chất của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ diễn ra cuộc đấu tranh giai cấp giữa giai cấp tư sản đã bị đánh đổ không còn là giai cấp thống trị và những thế lực chống phá chủ nghĩa xã hội do giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động làm chủ.

c. Nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

+ *Trong lĩnh vực kinh tế:* thực hiện việc sắp xếp, bố trí lại các lực lượng sản xuất hiện có của xã hội; cải tạo QHSX cũ, xây dựng QHSX mới theo hướng tạo ra sự phát triển cân đối của nền kinh tế, bảo đảm phục vụ ngày càng tốt đời sống nhân dân lao động.

+ *Trong lĩnh vực chính trị:* xây dựng hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa vững mạnh.

+ *Trong lĩnh vực tư tưởng- văn hoá:* tuyên truyền, phổ biến những tư tưởng khoa học và cách mạng của giai cấp công nhân trong toàn xã hội; xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa, tiếp thu tinh hoa của các nền văn hoá trên thế giới.

+ *Trong lĩnh vực xã hội:* khắc phục những tệ nạn do xã hội cũ để lại; khắc phục sự chênh lệch phát triển giữa các vùng, các tầng lớp trong xã hội; xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người theo mục tiêu lý tưởng là tự do của người này là điều kiện, tiền đề cho sự tự do của người khác

16) Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

*** Đặc trưng cơ bản của nền DCXH CN**

1. Đặc trưng chính trị

- Là một chế độ XH mà ở đó, DC với nghĩa là toàn bộ quyền lực thuộc về ND. Điều đó trở thành mục tiêu của sự phát triển XH và được thực hiện trong các lĩnh vực của đời sống XH.
- Được thiết lập sau khi giai cấp CN giành được chính quyền về tay mình và NDLD thông qua cuộc CM dân tộc DCND hoặc CM XHCN.
- Là sự lãnh đạo chính trị của giai cấp CN thông qua đảng của nó đối với toàn XH, nhưng có sự thống nhất giữa tính giai cấp CN với tính dân

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

tộc và tính ND, do lợi ích của giai cấp ND phù hợp với lợi ích của dân tộc và của đại đa số NDLD.

- Do đảng CS lãnh đạo, yếu tố quan trọng nền DCXHCN dựa trên chế độ công hữu về các TLSX chủ yếu đáp ứng sự phát triển cao của LLSX hiện đại nhằm thoả mãn ngày càng cao để đảm bảo quyền lực thuộc về ND. Bởi vì, đảng CS đại biểu cho trí tuệ, lợi ích của giai cấp CN, NDLD và toàn dân tộc. Với nghĩa này, DCXHCN mang tính nhất nguyên về chính trị.

2. Đặc trưng kinh tế

- Nền DCXHCN dựa trên chế độ công hữu về các TLSX chủ yếu đáp ứng sự phát triển cao của LLSX hiện đại nhằm thoả mãn ngày càng cao nhu cầu vật chất và tinh thần của ND.
- Bản chất KT đó chỉ được bộc lộ đầy đủ qua một quá trình phát triển ổn định về KT và CT dưới sự lãnh đạo của Đảng Mac – Lênin và sự quản lý, hướng dẫn của NNXHCN.
- KTXHCN là sự kế thừa và phát triển mọi thành tựu mà nhân loại đã tạo ra trong LS, đồng thời loại bỏ ~ nhân tố lạc hậu, tiêu cực, kìm hãm của các chế độ KT trước, nhất là bản chất tư hữu, áp bức bóc lột, bất công đối với đa số NDLD.

3. Đặc trưng về tư tưởng – văn hoá

Nền DCXHCN lấy hệ tư tưởng Mac – Lênin – hệ tư tưởng của giai cấp CN làm nền tảng; đồng thời là sự kế thừa, phát huy ~ tinh hoa VH truyền thống các dân tộc; tiếp thu ~ giá trị tiến bộ, văn minh mà nhân loại đã đạt được. Trong nền DCXHCN, ND được làm chủ ~ giá trị văn hoá tinh thần; được nâng cao trình độ VH, có ĐK để phát triển cá nhân.

1. 3. Sự khác biệt giữa DCXHCN và DCTS

Đây là 2 trong số 3 nền DC tồn tại trong LS loài người. DCXHCN ra đời có sự kế thừa một cách chọn lọc những thành tựu của các nền DC trước đó, nhất là DCTS. Tuy nhiên, 2 nền DC này có sự khác nhau về chất.

- DCXHCN là nền DC cho đại đa số NDLD, phục vụ lợi ích cho đại đa số; còn DCTS là nền DC cho thiểu số, phục vụ lợi ích cho thiểu số.

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

- DCXHCN là nền DC mang bản chất của giai cấp của giai cấp CN nhưng nó phục vụ lợi ích cho đa số, bởi vì lợi ích của giai cấp CN phù hợp với lợi ích của NDLD và toàn dân tộc; còn DCTS mang bản chất của giai cấp TS, lợi ích của giai cấp TS đối lập với lợi ích của giai cấp CN và NDLD.
- DCXHCN là nền DC do đảng CS lãnh đạo, nhất nguyên về CT. Còn DCTS do các đảng của giai cấp TS thay nhau lãnh đạo và thực hiện chế độ đa đảng.
- DCXHCN được thực hiện thông qua NN pháp quyền XHCN (có sự thống nhất giữa 3 quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp). Còn DCTS được thực hiện thông qua NN pháp quyền TS (tam quyền phân lập).
- DCXHCN được thực hiện trên cơ sở KT là công hữu hoá các TLSX chủ yếu; còn DCTS được thực hiện trên cơ sở KT tư hữu hoá các TKSX chủ yếu.

Câu 17: Dân tộc là gì? Trình bày những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc

a. Khái niệm dân tộc

Hiện nay, khái niệm dân tộc được hiểu theo nhiều nghĩa, trong đó có hai nghĩa phổ biến:

- ***Dân tộc với nghĩa là tộc người:*** là khái niệm dùng để chỉ cộng đồng người cụ thể nào đó có những mối liên hệ chặt chẽ, bền vững, có sinh hoạt kinh tế chung, có ngôn ngữ chung của cộng đồng và trong sinh hoạt văn hoá có những nét đặc thù so với những cộng đồng khác; xuất hiện sau cộng đồng bộ lạc; có sự kế thừa và phát triển hơn những nhân tố tộc người ở cộng đồng bộ lạc, bộ tộc và thể hiện thành ý thức tự giác của các thành viên trong cộng đồng đó
- ***Dân tộc với nghĩa là quốc gia:*** là khái niệm dùng để chỉ cộng đồng người ổn định, bền vững hợp thành nhân dân của một quốc gia, có lãnh thổ chung, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung, có truyền thống văn hoá, truyền thống đấu tranh chung trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊ NIN 2

b. Trình bày nội dung và phương thức xây dựng nền văn hóa XHCN

+ Quyền bình đẳng dân tộc là quyền thiêng liêng của mỗi dân tộc trong mối quan hệ với các dân tộc khác.

+ Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, nghĩa là: các dân tộc lớn hay nhỏ, có trình độ phát triển cao hay thấp đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trước luật pháp mỗi nước và luật pháp quốc tế, không một dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi và đi áp bức bóc lột dân tộc khác.

- Các dân tộc được quyền tự quyết:

+ Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh dân tộc mình, quyền tự quyết định chế độ chính trị- xã hội và con đường phát triển của dân tộc mình.

+ Quyền dân tộc tự quyết bao gồm quyền tự do độc lập về chính trị - tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập vì lợi ích của các dân tộc, đồng thời bao gồm quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi để phát triển quốc gia - dân tộc.

- Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc:

+ Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc tạo nên sức mạnh để giai cấp công nhân và phong trào dân tộc có thể giành thắng lợi.

+ Liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân thuộc các dân tộc khác nhau trong cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

Câu 18: Tôn giáo là gì? Trình bày những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo?

a. Khái niệm tôn giáo:

- *Khái niệm:* Tôn giáo là một hiện tượng xã hội phản ánh sự bế tắc, bất lực của con người trước tự nhiên và xã hội.

- Bản chất của tôn giáo là sự phản ánh hư ảo vào đầu óc các hiện tượng chi phối cuộc sống hàng ngày của con người, chỉ là sự phản ánh các hiện tượng tự nhiên đã mang hình thức siêu nhiên.

- Tôn giáo ra đời bởi nhiều nguồn gốc khác nhau, song cơ bản là từ các nguồn gốc kinh tế - xã hội, nhận thức và tâm lý.

ĐỀ CƯƠNG CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN 2

- Tôn giáo thay đổi khi các điều kiện kinh tế - xã hội, văn hoá, chính trị thay đổi.

b. Các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

+ Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong đời sống xã hội phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Đó là yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng CNXH.

+ Khi tín ngưỡng, tôn giáo còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân thì nhà nước XHCN là tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do không tín ngưỡng của mọi công dân.

+ Thực hiện đoàn kết giữa những người theo với những người không theo một tôn giáo nào, giữa những người theo các tôn giáo khác nhau để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ vì lý do tín ngưỡng tôn giáo.

+ Phân biệt rõ hai mặt - chính trị và tư tưởng trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo.

+ Phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo